| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ XUYÊN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 29/2025/HS-ST
Ngày: 12 - 5 - 2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Cao Thanh Nhanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Ngọc T**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 09 tháng 11 năm 1994; tại huyện X, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc A, sinh năm 1964 (chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28 tháng 12 năm 2024 cho đến nay; (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T:* Ông **Phạm Lê D**, là Luật sư Công ty Luật TNHH CL Minh Phương thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường K, Phường X, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

- *Bị hại*: Ông **Trịnh Minh V**, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1995.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Có mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị Tuyết L**.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Có mặt).

2. Bà **Lý Thị Ngọc H**.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Có mặt).

*- Người tham gia tố tụng khác:*

***Người làm chứng*:**

1. Bà Quách Thị Trúc L1; (Vắng mặt).

2. Ông Phương B A1; (Vắng mặt).

3. Ông Lý Huỳnh Lê N; (Vắng mặt).

4. Ông Danh B; (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 11/10/2015, ông Trịnh Minh V cùng với vợ là bà Quách Thị Trúc L1 đi đến chùa Trà Tim thuộc Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để chơi lễ hội, tại đây ông V gặp và nói chuyện với người quen là bị cáo Trần Ngọc T. Trong lúc nói chuyện thì bị cáo T chửi "đụ má, đụ mẹ" với ông V nên cả hai phát sinh cự cãi với nhau. Lúc này cha ông V là ông Trịnh Minh D thấy vậy kêu ông V đi về thì bị cáo T ngăn lại không cho, đồng thời lên tiếng chửi ông D nên ông V tức giận định đánh bị cáo T nhưng được ông D và mọi người can ngăn nên cả hai ra về. Khi về tới nhà nhớ lại chuyện bị cáo T chửi nên ông V tức giận, lấy dao tự chế (loại dao chành guồng dài 82cm, lưỡi bằng kim loại có 1 cạnh sắc dài 37cm) định lấy xe tìm bị cáo T để chém. Thấy vậy bà Trúc L1 hỏi ông V đi đâu, thì ông V nói là đi tìm T để giải quyết mâu thuẫn nên bà L1 điều khiển xe mô tô biển số 83P2 - 247.51 chở ông V ngồi sau đi tìm bị cáo T. Đến khoảng hơn 20 giờ ngày 11/10/2015, khi bà L1 chở ông V đi đến khu vực ấp L, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng thì ông V phát hiện bị cáo T đang ngồi chơi cùng với bạn là ông Phương Bảo A1, ông Lý Huỳnh Lê N và ông Danh B gần 01 đám tang cặp Quốc lộ 1, nên ông V kêu bà L1 dừng xe lại rồi ông V xuống xe cầm dao tự chế chạy lại chỗ bị cáo T đang ngồi và chém vào lưng của bị cáo T 01 dao gây thương tích, rồi đưa dao lên chém bị cáo T thêm nhưng do bị cáo T bỏ chạy nên ông V không chém được. Thấy vậy, ông A1, ông N và ông B cùng nhào vào ôm ông V lại để can ngăn, khi ông V làm rớt cây dao xuống đất thì

ông N, ông A1, ông B buông ông V ra. Lúc này bị cáo T chạy đến lượm cây dao của ông V làm rớt rồi đuổi theo ông V để chém thì ông V bỏ chạy. Được một đoạn thì ông V bị vấp té nên bị cáo T chạy đến chém 01 dao trúng vào cẳng tay trái và vùng đầu của ông V gây thương tích. Chém xong bị cáo T vứt bỏ cây dao và bỏ đi còn ông Trịnh Minh V được người nhà đưa đến Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ cấp cứu và điều trị thương tích từ ngày 11/10/2015 đến ngày 19/10/2015 thì ra viện. Quá trình điều tra, bị cáo Trần Ngọc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số: 317/GĐHS ngày 28/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng đối với Trịnh Minh V, kết luận như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Vết thương đỉnh trái dài khoảng 10cm, Kết quả chụp cắt lớp vi tính ngày 12/10/2015 nứt lún sọ đỉnh, tụ khí nội sọ và máu tụ ngoài màng cứng đỉnh trái đã được phẫu thuật gặm sọ lún # 06cm. Lấy máu tụ ngoài màng cứng # 15g, Treo màng cứng đến ngày 16/10/2015 chụp cắt lớp vi tính: khuyết xương sọ trán – đỉnh trái, tụ khí nội sọ đến ngày 19/10/2015 tình trạng thương tích lúc ra viện: bệnh tỉnh táo Glasgow 15 điểm, vết mổ khô, không yếu liệt chi.

+ Vết thương 1/3 giữa cẳng tay trái khoảng 7cm lộ cơ duỗi cổ tay trụ, cơ duỗi chung các ngón, đứt bán phần đã được Phẫu thuật cắt lọc khâu nối. Trong hồ sơ giám định không có đánh giá ảnh hưởng chức năng hay không nên không có cơ sở xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể tính theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế hiện tại là: 46% (Bốn mươi sáu phần trăm).

+ Kết luận khác: Không xác định được vật gây thương tích.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số: 318/GĐHS ngày 28/6/2024 của T tâm pháp y tỉnh Sóc Trăng đối với Trần Ngọc T, kết luận như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Vết thương cằm phải # 03cm; Vết thương vai phải # 03cm.

+ Vết xước da hông phải (không xếp tỷ lệ tổn thương cơ thể do không có quy định trong Thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế).

+ Kết luận: Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT, ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể của: ông Trần Ngọc T qua giám định trên hồ sơ là: **01%** (Một phần trăm).

Kết luận khác: Không xác định được vật gây thương tích.

- Về vật chứng, Cơ quan điều tra thu giữ và quản lý gồm:

01 (một) cây dao tự chế (chành guồng) có tổng chiều dài 82cm, có lưỡi làm bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, một cạnh sắc dài 37cm; bản dao nơi rộng nhất 4,9cm; có cán làm bằng gỗ, bên ngoài có quấn băng keo màu đen dài 45cm, đường kính cán 3,5cm; dao bị gỉ sét, đã qua sử dụng;

01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh, phía trước nón có dòng chữ "ALIBABA", nón bị trầy xước, đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trịnh Minh V yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), bị cáo T đồng ý và đã bồi thường được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), số tiền còn lại hai bên thỏa thuận sẽ tiếp tục khắc phục trong thời gian tới.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKSMX ngày 11/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự và đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù, tính kể từ ngày bắt bị cáo để tạm giam là ngày 28/12/2024.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), tịch thu tiêu hủy vật chứng là công cụ phạm tội và vật không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) cây dao tự chế (chành guồng) có tổng chiều dài 82cm, có lưỡi làm bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, một cạnh sắc dài 37cm; bản dao nơi rộng nhất 4,9cm; có cán làm bằng gỗ, bên ngoài có quấn băng keo màu đen dài 45cm, đường kính cán 3,5cm; dao bị rỉ sét, đã qua sử dụng và 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh, phía trước nón có dòng chữ "ALIBABA", nón bị trầy xước đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại tại phiên tòa sơ thẩm, buộc bị cáo T bồi thường thêm cho bị hại V số tiền là 40.000.000 đồng.

Án phí sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu theo quy định.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với Kiểm sát viên truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhA1 gây ra, theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính đang nuôi dưỡng mẹ và người dì, có xác nhận của Ban nhân dân ấp nơi bị cáo cư trú; từ khi gây án vào năm 2015 cho đến khi khởi tố vụ án hình sự năm 2024 thì bị cáo đã trở thành công dân tốt cho xã hội, tạo thu nhập cho gia đình. Do đó, đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo 02 năm tù và có thể xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì có các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên.

- Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu; không có ý kiến tranh luận; lời nói sau cùng là bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của bị hại ông Trịnh Minh V: Hiện nay ông V không có việc làm, vợ ông đã bỏ đi, mọi chi phí sinh hoạt và chữa trị vết thương của ông đều phụ thuộc vào cha mẹ ruột; trí nhớ của ông bị suy giảm, đôi khi ông không tự chăm sóc bản thA1 được vì thương tích mà bị cáo gây ra; ông cần ghép sọ não với chi phí khoản 100.000.000 đồng nhưng không có tiền, nếu thực hiện phẫu thuật thì ông V sẽ khởi kiện bị cáo T thành vụ án khác. Về trách nhiệm hình sự, ông V xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự, bị cáo T với bị hại ông V đã tự nguyện thỏa thuận như sau: Bị cáo T đồng ý bồi thường cho bị hại 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) do gia đình bị cáo đã giao cho gia đình bị hại, nên bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho bị hại số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), bao gồm các chi phí: Viện phí, tiền thuốc, tái khám sau khi điều trị thương tích, tiền xe cấp cứu, tiền tổn thất tinh thần và bị mất thu nhập.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Tuyết L cho rằng bà là chị ruột của bị cáo, số tiền 20.000.000 đồng bà trực tiếp trả chi phí cho bị hại do mẹ bị hại là bà Lý Thị Ngọc H nhận, đây là tiền của bà L, bà không yêu cầu bị cáo trả lại. Đối với bà Lý Thị Ngọc H trình bày, bà là mẹ của bị hại, bà có nhận số tiền này để điều trị thương tích cho bị hại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố đúng thẩm quyền, đúng theo trình tự thủ tục và quy định của pháp luật về tố tụng hình sự. Tại phiên toà, bị cáo Trần Ngọc T xác nhận trong quá trình tố tụng các cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định, nên bị cáo không có ý kiến, khiếu nại. Do vậy, các hoạt động điều tra, truy tố của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên là hợp pháp và đúng luật định.

[1.2] Tại phiên tòa, người làm chứng bà Quách Thị Trúc L1, ông Phương Bảo A1, ông Lý Huỳnh Lê N, ông Danh B vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra bà L1, ông A1, ông N, ông B đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) xét xử vắng mặt bà L1, ông A1, ông N, ông B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố; xác nhận các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là tự nguyện, đúng với hành vi khách quan mà bị cáo đã thực hiện trong vụ án.

Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, hiện trường vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Vào ngày 11/10/2015, bị cáo Trần Ngọc T và bị hại Trịnh Minh V phát sinh mâu thuẫn cự cãi, sau đó bị hại V lấy dao tự chế (loại dao chành guồng dài 82cm, lưỡi bằng kim loại có 1 cạnh sắc dài 37cm) chém bị cáo T trúng 01 cái vào lưng, bị cáo chạy thì bị hại rượt theo và bị té, làm rớt cây dao; bị cáo T quay lại và chạy đến lượm cây dao của bị hại V làm rớt. Lúc này bị hại V đứng lên chạy, thì bị cáo T cầm dao đuổi theo, do bị hại V bị vấp té nên bị cáo T chạy đến dùng dao chém theo hướng từ trên xuống, làm trúng vào cẳng tay trái và vùng đầu của bị hại V gây thương tích.

Căn cứ vào Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số: 317/GĐHS ngày 28/6/2024 của T tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng đối với Trịnh Minh V thì tổng tỉ lệ tổn

thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo hiện tại là: 46% (Bốn mươi sáu phần trăm).

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc tình tiết định khung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên Cáo trạng số 36/CT-VKSMX ngày 11/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[2.2] Bị cáo Trần Ngọc T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được sức khỏe của con người là vốn quý, không gì so sánh được, là bất khả xâm phạm, là khách thể được pháp luật bảo vệ, người nào xâm hại là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị. Bị cáo nhận thức được điều này nhưng do xem thường pháp luật, không tôn trọng sức khỏe của người khác nên có hành vi gây thương tích cho bị hại như đã nêu trên. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích người khác và có đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên có tội và phải chịu trách nhiệm hình sự.

Theo Điều luật này quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

... "

Xét thấy, bị cáo Trần Ngọc T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của bị hại một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự

tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để bị cáo chịu sự quản lý, giáo dục trực tiếp của cơ quan pháp luật, để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt và có ích cho xã hội sau này.

[2.3] Bên cạnh đó, cần xem xét các tình tiết khác khi lượng hình đó là:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi; bị cáo tác động gia đình đã khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 20.000.000 đồng nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của bị hại khi bị hại lấy dao tìm và chém bị cáo, bị cáo bị thương tích là 01% (Một phần trăm); bị cáo là lao động chính của gia đình, nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Trần Ngọc T được áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt, là chưa phù hợp vì: Sau khi bị hại té xuống, cây dao văng ra và được mọi người can ngăn, đáng lẽ ra bị cáo nên tiếp tục chạy đi, thì có thể đã chấm dứt hành vi nguy hiểm, nhưng bị cáo quay lại cầm dao chém bị hại, với hung khí này, trong trạng thái nóng giận và với hướng chém từ trên đầu xuống, cộng thêm sức lực của bị cáo thì có khả năng gây chết người; sau khi sự việc xảy ra mặc dù bị cáo và gia đình ở cùng xóm, gần nhà bị hại nhưng bị cáo không đến thăm hỏi, như vậy là bị cáo bỏ mặc hậu quả do mình gây ra; tỷ lệ thương tích này là ở mức cao so với quy định trong khung hình phạt; theo thoả thuận về trách nhiệm dân sự, thì số tiền mà bị cáo bồi thường cho bị hại là còn thấp so với yêu cầu; theo bị hại thì hậu quả là bị hại còn phải đi ghép sọ não nên tổn thương này không chỉ dừng lại mà còn có di chứng và phát sinh chi phí, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ và trí nhớ về sau. Loại tội phạm này

đang có chiều hướng tăng, đồng thời làm gia tăng phức tạp về an ninh - trật tự xã hội; để nhằm ngăn chặn, răn đe, giáo dục có hiệu quả với tội phạm cố ý gây thương tích, phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó, lời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không được chấp nhận.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021):

Đối với 01 (một) cây dao tự chế (chành guồng) có tổng chiều dài 82cm, lưỡi làm bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, một cạnh sắc dài 37cm; bản dao nơi rộng nhất 4,9cm; có cán làm bằng gỗ, bên ngoài có quấn băng keo màu đen dài 45cm, đường kính cán 3,5cm; dao bị gỉ sét, đã qua sử dụng, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh, phía trước nón có dòng chữ "ALIBABA", nón bị trầy xước đã qua sử dụng, hiện nay không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại tự nguyện thỏa thuận là bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng cộng số tiền là 60.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền gia đình bị cáo đã giao trước là 20.000.000 đồng, nên bị cáo còn phải bồi thường thêm là 40.000.000 đồng. Sự tự nguyện thỏa thuận này phù hợp với các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đồng thời, bị cáo cũng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

[6] Bà Trần Thị Tuyết L đã giao số tiền 20.000.000 đồng cho gia đình bị hại, để thay mặt bị cáo bồi thường thiệt hại; bà L không yêu cầu bị cáo trả lại tiền, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với bị hại ông Trịnh Minh V: Trong lúc đánh nhau, ông Trịnh Minh V có dùng dao tự chế, cũng là công cụ phạm tội chém bị cáo Trần Ngọc T gây thương tích, qua giám định tỉ lệ thương tích là 01%. Tuy nhiên, bị cáo Trần Ngọc T có đơn không yêu cầu xử lý đối với ông Trịnh Minh V và hành vi của Trịnh Minh V không thuộc trường hợp nào khác đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không

đặt ra để xem xét xử lý hình sự mà chuyển sang xử phạt vi phạm hành chính đối với Trịnh Minh V là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 28 tháng 12 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cây dao tự chế (chành guồng) có tổng chiều dài 82cm, có lưỡi làm bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, một cạnh sắc dài 37cm; bản dao nơi rộng nhất 4,9cm; có cán làm bằng gỗ, bên ngoài có quấn băng keo màu đen dài 45cm, đường kính cán 3,5cm; dao bị gỉ sét, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh, phía trước nón có dòng chữ "ALIBABA", nón bị trầy xước, đã qua sử dụng.

(*Vật chứng trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đang quản lý theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17 tháng 4 năm 2025*).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.1. Buộc bị cáo Trần Ngọc T bồi thường thêm cho bị hại Trịnh Minh V số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), gồm các khoản chi phí: Viện phí, tiền thuốc, tái khám sau khi điều trị thương tích, tiền xe cấp cứu, tiền tổn thất tinh thần và bị mất thu nhập.

3.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bị hại Trịnh Minh V cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bị cáo Trần Ngọc T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan T.H.A hình sự - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Cao Thanh Nhanh**